

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2023

*V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG:** Bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXX-ST ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Tân Hương, xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG. Hiện đang lao động tại Đảo Síp.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị H:

Chị Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1995; Địa chỉ: tổ dân phố Thượng, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh BG.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn S (tên gọi khác: Trần Minh S), sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Tân Hương, xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai chị Dương Thị H trình bày:*

Chị và anh S đăng ký kết hôn ngày 18/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG. Trong thời gian chung sống vợ chồng có

nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng ngày càng có khoảng cách xa dần nhau, công việc của ai người đó làm, không ai lo lắng và quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của hai vợ chồng phát sinh từ trước khi chị đi xuất khẩu lao động. Đã nhiều lần chị viết đơn xin ly hôn anh S nhưng vì thương con nên chị không gửi đến Tòa án. Khoảng cuối năm 2019 chị đi lao động tại Đảo Síp, anh S làm việc tại địa phương, chị xác định vợ chồng đã ly thân nhau được khoảng 03 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 11/12/2017. Hiện nay hai con chung đều sinh sống cùng anh S. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Trần Văn S là bị đơn trình bày:* Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2021 chị H đi lao động tại Đảo Síp cải thiện kinh tế gia đình. Sau khi chị H đi lao động vợ chồng vẫn hòa thuận đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị có nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ cùng chăm sóc con nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 7/2022 đến nay anh và chị H không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Anh xác định tình cảm không còn nhưng anh không đồng ý giải quyết ly hôn vắng mặt chị H. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H về Việt Nam giải quyết.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 11/12/2017. Hiện nay hai con chung đều đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa,* Chị Dương Thị H và anh Trần Văn S đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Dương Thị H, anh Trần Văn S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung: Do chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 11/12/2017 cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị H, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính pháp lý của các tài liệu của chị Dương Thị H do chị Nguyễn Thị Lan nộp đến Tòa án: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền có đề chữ ký, chữ viết họ và tên, điểm chỉ dấu vân tay của chị Dương Thị H nộp đến Tòa án thông qua người được ủy quyền nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ và tên, điểm chỉ dấu vân tay của chị Dương Thị H. Kết luận giám định số 613/KL-KTHS ngày 06/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BG kết luận:

- Dấu vân tay màu xanh in tại các mục “Tay phải ngón trỏ”, “Ngón trỏ tay phải”, “Tay phải ngón trỏ phải” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với dấu vân tại ô “Trỏ phải” trên bản sao Chỉ bản số 121782855, mang tên Dương Thị H, sinh ngày 12/8/1984; nơi ĐKKHTT: xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh BG cung cấp là của cùng một người.

- Dấu vân tay màu xanh in tại các mục “Ngón trỏ tay trái”, “Ngón trỏ trái tay trái” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với dấu vân tại ô

“Trở trái” trên bản sao Chỉ bản số 121782855, mang tên Dương Thị H, sinh ngày 12/8/1984; nơi ĐKKHKT: xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh BG do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh BG cung cấp là của cùng một người.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Dương Thị H là người ký và lăn vân tay trong đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền do người được ủy quyền nộp cho Tòa án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Chị H khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con đối với anh S. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại công văn số 5583/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh ngày 20/3/2023 xác định chị Dương Thị H, sinh ngày 12/8/1984, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 17/11/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị H đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị H, anh S đều có hộ khẩu thường trú tại BG. Do đó đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ sau khi chị H đi lao động tại nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Chị H, anh S đã ly thân nhau được một thời gian dài, anh chị đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể giải quyết và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai, không còn liên lạc với nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S và xin vắng mặt nhưng anh S không đồng ý ly hôn vắng mặt chị H. Anh S chỉ đồng ý ly hôn khi chị H về Việt Nam giải quyết. Hội đồng xét xử thấy chị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H nên đề nghị của anh S không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh S không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh S, xử cho chị H và anh S được ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 11/12/2017 anh S đề nghị giao con chung cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Anh S, chị H đều đề nghị Tòa án giao con chung cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trên thực tế các con chung vẫn đang sinh sống cùng anh S kể từ khi chị H đi lao động tại nước ngoài, các con chung phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu H cũng có nguyện vọng ở với

bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh S đối với yêu cầu giao 02 con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị H, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn S ở Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị H ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 11/12/2017 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3. Về án phí:** Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000003 ngày 14/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG. (Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh Trần Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Chị Dương Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG;
- UBND xã Nghĩa Phương, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hương**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Phương   Lê Thị Minh Khánh**

**Hoàng Thị Hải Hường**